TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/DS-PT
Ngày: 08-5-2018
V/v tranh chấp thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 100/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 377/2017/QĐ- PT ngày 05 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 467/2017/QĐ- PT ngày 18 tháng 10 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 474/2018/QĐ- PT ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1 Bà Phan Thị H, sinh năm 1953.

2 Ông Tôn Chánh T, sinh năm 1978.

3 Bà Tôn Thị Lan A1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ cũ: 4/71 (số mới là 132/6) khu phố G, phường K, thành phố T1, tỉnh Long An.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H, bà Tôn Thị Lan A1 là: Ông Tôn Chánh T (Văn bản ủy quyền 04/12/2015).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1934 (chết ngày 16/7/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trịnh Thị B là ông Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P và Tôn Thị L1.

2. Ông Tôn Thành V, sinh năm 1967.

3. Ông Tôn Thành L, sinh năm 1966.

4. Ông Tôn Thành C, sinh năm 1970.

5. Bà Tôn Thị Ngọc P, sinh năm 1968.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tôn Thành L, ông Tôn Thành C và bà Tôn Thị P là: Ông Tôn Thành V (Theo giấy ủy quyền ngày 16/7/2017).

Địa chỉ: 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Tôn Thị L1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Trung N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp V, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của ông Võ Trung N là: Ông Võ Tuấn Vĩnh T2, sinh năm 1973(Theo giấy ủy quyền ngày 23/02/2013).

Địa chỉ: 29 đường 870B ấp B1, xã T3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1947 - Hiện đang định cư tại Mỹ.

3. Ông Tôn Chánh T4, sinh năm 1980 - Hiện đang định cư tại Mỹ.

Đại diện theo ủy quyền của bà U, ông T4 là: Ông Tôn Chánh T, sinh năm 1978 (Theo giấy ủy quyền ngày 27/4/2016 và ngày 28/4/2016).

Địa chỉ: 4/71 (số mới là 132/6) khu phố G, phường K, thành phố T1, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Kim N1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 20/7 Lê Ngã, phường P1, quận T5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Kim N1 là ông Nguyễn Xuân C1, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:*Ông Tôn Chánh T là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị H, bà Tôn Thị Lan A1 và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị U và ông Tôn Chánh T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Tôn Chánh T, bà Tôn Thị Lan A1 và bà Phan Thị H trình bày:

Ông Tôn Chánh Đ và bà Phan Thị H chung sống với nhau vào năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Ông Đ và bà H có 02 người con chung là Tôn Chánh T và Tôn Thị Lan A1.

Trước khi ông Tôn Chánh Đ chung sống với bà H thì ông Đ có vợ tên Trịnh Thị B. Ông Đ và bà B có 05 người con chung gồm: Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P và Tôn Thị L1.

Khi ông Đ sống với bà H thì giữa gia đình ông và gia đình bà B, ông V rất thuận thảo với nhau, tình nghĩa thân mật. Đến năm 2002, ông Đ bị bệnh cao huyết áp, qua đời không để lại di chúc. Ông Đ có để lại di sản gồm: 01 căn nhà và phần đất diện tích 2.170m^2 tọa lạc số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do ông Đ đứng tên quyền sử dụng đất (hiện nay gia đình bà B đang quản lý) và số tiền 502.533.205 đồng đang do Trung tâm quỹ đất và xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang quản lý, số tiền do Nhà nước hóa giá 01 phần đất của ông Đ để thi hành án, còn dư lại.

Nay bà H, bà Lan A1 và ông T yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật di sản của ông Tôn Chánh Đ để lại gồm: 01 căn nhà và phần đất diện tích 2.170m^2 tọa lạc tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và số tiền 502.533.205 đồng + tiền lãi phát sinh.

Đối với yêu cầu của bà Phan Thị H, ông yêu cầu Tòa án xem xét công sức đóng góp của mẹ ông đã có quá trình chung sống với ông Tôn Chánh Đ từ năm 1976 đã có công chăm sóc, phụng dưỡng ông Đ khi ốm đau và khi ông Đ chấp hành án phạt tù. Vì vậy yêu cầu Tòa án xem xét chia cho mẹ ông theo yêu cầu của bà là được nhận ¼ phần di sản của một kỷ phần thừa kế do ông Tôn Chánh Đ để lại, cụ thể: 7.852.081 đồng và tiền lãi suất và 54,28m^2 đất tọa lạc số 41 Ấp Bắc,Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đối với tờ di chúc ngày 27/9/2001 mà ông Võ Trung N cung cấp và cho rằng ông Tôn Chánh Đ làm, các nguyên đơn Phan Thị H, Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1 không thừa nhận vì di chúc này được cơ quan chức năng giám định và kết luận là không hợp pháp.

Bị đơn ông Tôn Thành V và là đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn bà Trịnh Thị B, ông Tôn Thành L, ông Tôn Thành C, bà Tôn Thị P và bà Tôn Thị L1 trình bày:

Bà B là vợ của ông Tôn Chánh Đ từ năm 1961, các ông bà là con của ông Đ và bà B. Ông Đ và bà B chung sống với nhau có 05 người con: Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P và Tôn Thị L1.

Khi ông Đ còn sống, mẹ và các anh chị em của ông không hề nghe ông Đ nói là có vợ nhỏ, có con và cũng không biết cha ông chung sống với bà Phan Thị H có 02 người con tên Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1. Năm 2002 cha ông qua

đời để lại diện tích 1.637,7m^2 chứ không phải là 2.170m^2 do cha ông đứng tên. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Trung N trình bày:

Nguyên ông Tôn Chánh Đ có kê khai đứng bộ thửa đất có diện tích khoảng 1.637,7m^2. Hiện lô đất này thuộc thửa 169, tờ bản đồ địa chính 30 tọa lạc tại 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Khi ông Đ còn sống và minh mẫn thì ông có lập di chúc với nội dung chỉ định cho ông Võ Trung N được thừa hưởng toàn bộ di sản của ông Tôn Chánh Đ là thửa đất nêu trên, sau khi ông Đ qua đời. bản di chúc này được Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai chứng thực ngày 27/9/2001, ông khẳng định bản di chúc này là có thật và hợp pháp.

Nay ông đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận bản di chúc này là hợp pháp và công nhận ông là người được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế là căn nhà và đất tọa lạc tại 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do ông Tôn Chánh Đ để lại. Đồng thời bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án về việc yêu cầu chia di sản thừa kế, vì đối tượng bị khởi kiện của nguyên đơn không còn quyền thừa kế quyền sử dụng nhà, đất bởi di chúc đã có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:

Nguyên ông Tôn Chánh Đ và bà có chung sống với nhau từ trước năm 1975, không có đăng ký kết hôn và có một đứa con chung là Tôn Chánh T4. Trước khi sống chung với bà, ông Đ đã có năm người con với bà Trịnh Thị B: Tôn Thành L, Tôn Thành V, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1. Khi ông Đ còn sống, mẹ con bà và gia đình bà B rất thân mật với nhau, không có hiềm khích. Năm 2002, ông Đ qua đời do căn bệnh cao huyết áp và tiểu đường từ lâu. Trước khi chết ông Đ không có lập di chúc và để lại khối tài sản riêng của ông Đ (do mẹ ông Đ tặng riêng cho ông) gồm diện tích 2.170m^2 và căn nhà trên đất, cộng với số tiền gốc là 502.533.205 đồng do Trung tâm quỹ đất và xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang đang quản lý.

Như vậy khối tài sản riêng nêu trên của ông Đ là di sản để lại cho các đồng thừa kế nên cần chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế: Trịnh Thị B, Tôn Thành L, Tôn Thành V, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1, Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4.

Đối với Nguyễn Thị U thực tế đã sống chung với ông Đ và đã có một con chung là Tôn Chánh T4 trước năm 1975 nên đã có công sức đóng góp di sản này. Nên bà U yêu cầu được hưởng một phần công sức của bà U. Trong kỷ phần thừa kế di chúc của ông Đ để lại tương đương một phần tư kỷ phần thừa kế và quy ra bằng hiện vật và quyền sử dụng đất. Đề nghị được hưởng thừa kế và công sức đóng góp theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Tôn Chánh Đ để lại gồm quyền sử dụng đất 2.170m^2 cộng căn nhà trên đất ở số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, và số tiền 502.533.205 đồng, cộng với tiền lãi

hiện do Trung tâm quỹ đất và xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang đang quản lý, yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất với diện tích 55m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Tôn Chánh T4 trình bày:

Nguyên cha mẹ ông là ông Tôn Chánh Đ(chết năm 2002) và bà Nguyễn Thị U sống vợ chồng từ trước năm 1975 tại Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Năm 1995, ông cùng bà U sang Hoa Kỳ định cư. Khi cha bệnh, mẹ ông có gởi tiền về Việt Nam để trị bệnh cho cha tôi. Năm 2002, cha ông qua đời.

Cha mẹ ông có 01 con chung là ông. Cha ông còn có 05 người con với bà Trịnh Thị B và 02 người con với bà Phan Thị H.

Trước khi chết, cha ông không có lập di chúc và để lại di sản gồm: 2.170m^2 đất và căn nhà trên đất tọa lạc tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vốn là tài sản riêng của cha ông do bà nội ông cho riêng cha ông lúc còn sống) và số tiền gốc 502.533.205 đồng do Trung tâm quỹ đất và xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang đang quản lý.

Cha ông sống chung với 03 người vợ (Trịnh Thị B, Phan Thị H và Nguyễn Thị U) và có tổng cộng 08 người con (Tôn Thành L, Tôn Thành V, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1, Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1 và Tôn Chánh T4).

Được biết bà Phan Thị H và mẹ ông Nguyễn Thị U có yêu cầu hưởng công sức đóng góp trong thời gian chung sống vợ chồng với ông Đ là ¼ kỷ phần thừa kế.

Ông yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha ông, ông Tôn Chánh Đ để lại bằng tiền gồm:

- Đất thổ cư: 24,16m^2 tương đương 24,16m^2 x 18.000.000đ = 434.880.000 đồng.

- Đất vườn: 203,54m^2 tương đương 203,3m^2 x 9.000.000đ = 1.831.860.000 đồng.

- Và số tiền (502.533.205đ – 13.959.255đ x 2)/9 = 52.734.966 đồng.

Tổng cộng: 2.319.474.966 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Kim N1 trình bày:

Ngày 20/9/2016 bà Nguyễn Kim N1 có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu bà Trịnh Thị B cùng các con tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 8m x 30m tại số 41 Ấp Bắc theo hợp đồng ngày 01/7/2006 cho bà N1.

Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2010/DSST ngày 06/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố M quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tôn Chánh T và chị Tôn Thị Lan A1.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Giao cho anh Tôn Chánh T, chị Tôn Thị Lan A1 và bà Phan Thị H đồng sở hữu phần đất diện tích 462,3m^2 tọa lạc tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Giao cho bà Trịnh Thị B, anh Tôn Thành V, anh Tôn Thành L, anh Tôn Thành C, chị Tôn Thị P, chị Tôn Thị L1 được đồng sở hữu phần diện tích đất 1.175,7m^2 tọa lạc số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Toàn bộ các phần đất giao cho các bên đương sự có sơ đồ chi tiết xác định tứ cận và định vị phần đất kèm theo.

Các bên đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục kê khai tách bộ các phần đất theo qui định pháp luật.

Buộc anh T, bà H, chị Lan A1 liên đới có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng bị đơn bà B, anh V, anh L, anh C, chị P, chị L1 số tiền 22.332.111 đồng.

Giao phần tiền 538.987.462 đồng hiện do Trung tâm quỹ đất và phát triển xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang đang quản lý cho các đồng bị đơn bà B, anh V, anh L, anh C, chị P, chị L1 được đồng sở hữu.

Ngày 15/9/2010, anh Tôn Thành V đại diện cho các đồng bị đơn có đơn kháng cáo: Yêu cầu Tòa án xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm số 212/2012/DSPT ngày 22/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

Hủy bản án sơ thẩm số 105/2010/DSST ngày 06/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố M.Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/3/2016 Tòa án nhân dân thành phố M ban hành Quyết định chuyển vụ án số 04/QĐST-DS chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang với lý do: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị U và ông Tôn Chánh T4 là đương sự trong vụ kiện đã đi nước ngoài vào năm 1992 và hiện nay định cư ở Mỹ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2017/DS- ST ngày 17 tháng 02 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của các ông bà Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Tôn Chánh T4 về việc tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế.

- Xác định di sản của ông Tôn Chánh Đ chết để lại trong khối tài sản chung với bà Trịnh Thị B gồm: ½ của diện tích đất 1.621,5m^2 là 810,75m^2 và ½

giá trị nhà 43.015.000 đồng là 21.507.000 đồng. Nhà và đất tọa lạc tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo biên bản định giá tài sản ngày 23/6/2015 của Hội đồng định giá thành phố M); ½ số tiền 594.972.398 đồng là 297.486.199 đồng (hiện Trung tâm phát triển quỹ đất và đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang quản lý).

- Chia di sản của ông Tôn Chánh Đ cho các thừa kế thuộc hàng thừa kế của ông Tôn Chánh Đ gồm các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1, Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 như sau:

1. Chia cho các ông bà Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 mỗi người được hưởng 90,08m^2 đất tọa lạc tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, cụ thể:

- Diện tích 90,08m^2 đất chia cho ông Tôn Chánh T có vị trí:

+ Hướng Đông giáp chùa P2 dài 18,01m.

+ Hướng Tây giáp đất thuộc quyền sử dụng của bà Trịnh Thị B và đất chia cho các đồng thừa kế: Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 và Trịnh Thị B, dài 18,01m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Chí Dngang 05m.

+ Hướng Bắc giáp đất chia cho Tôn Thị Lan A1 ngang 05m.

- Diện tích 90,08m^2 đất chia cho bà Tôn Thị Lan A1, có vị trí:

+ Hướng Đông giáp chùa P2 dài 18,01m.

+ Hướng Tây giáp đất thuộc quyền sử dụng của bà Trịnh Thị B và đất chia cho các đồng thừa kế: Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 và Trịnh Thị B, dài 18,01m.

+ Hướng Nam giáp đất chia cho Tôn Chánh T ngang 05m.

+ Hướng Bắc giáp đất chia cho Tôn Chánh T4 ngang 05m.

- Diện tích 90,08m^2 đất chia cho ông Tôn Chánh T4, có vị trí:

+ Hướng Đông giáp chùa P2 dài 18,01m.

+ Hướng Tây giáp đất thuộc quyền sử dụng của bà Trịnh Thị B và đất chia cho các đồng thừa kế: Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 và Trịnh Thị B, dài 18,01m.

+ Hướng Nam giáp đất chia cho Tôn Thị Lan A1 ngang 05m.

+ Hướng Bắc giáp đất chia cho các đồng thừa kế Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 ngang 05m.

(có sơ đồ địa chính kèm theo)

Buộc các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 tháo dỡ, di dời công trình trên đất để giao các diện tích

đất trên cho các ông bà: Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4. Thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chia cho các ông bà Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 mỗi người được hưởng 90,08m^2 đất tổng cộng là 540,48m^2 tọa lạc tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M và nhà tọa lạc trên đất có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đất chia cho các ông bà Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4.

+ Hướng Tây giáp đất Tôn Ứng Tâm.

+ Hướng Nam giáp đất Nguyễn Chí Dvà đường Ấp Bắc.

+ Hướng Bắc giáp Sông Tiền.

(có sơ đồ địa chính kèm theo)

Ghi nhận sự thỏa thuận của các ông bà Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 theo đó các ông bà đồng quản lý các diện tích đất và nhà nêu trên và cả diện tích đất 810,75m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Trịnh Thị B (trong khối tài sản chung với ông Đ). Các đương sự sẽ tự phân chia nhà, đất trên khi có yêu cầu.

3. Chia cho các ông bà: Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 mỗi người được hưởng số tiền 35.443.000 đồng.

4. Chia cho các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 mỗi người được hưởng số tiền 33.054.022 đồng.

5. Xác định số tiền 297.486.199 đồng (trong ½ số tiền 594.972.398 đồng hiện Trung tâm phát triển quỹ đất và đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang đang quản lý) thuộc quyền sở hữu của bà Trịnh Thị B.

Yêu cầu Trung tâm phát triển quỹ đất và đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang giao trả cho các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1, Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 mỗi người số tiền 33.054.022 đồng và giao trả cho bà Trịnh Thị B số tiền 297.486.199 đồng; đối với số tiền lãi của số tiền 594.972.398 đồng phát sinh từ ngày 01/01/2016 đến thời điểm Thi hành án giao trả được chia theo tỷ lệ ½ thuộc sở hữu của bà Trịnh Thị B, ½ chia đều cho 9 thừa kế của ông Đ gồm các ông bà Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1, Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4.

- Buộc các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho các ông bà: Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 mỗi người số tiền 2.389.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và các ông bà Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 có đơn yêu cầu thi hành án nếu các đương sự nêu trên chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 2.389.000 đồng cho các ông bà Tôn Chánh

T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 thì còn phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Kim N1. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 đồng ý lập thủ tục chuyển nhượng diện tích đất 194m^2 cho bà Nguyễn Kim N1 (ngang 8m, dài 24,25m-đã trừ lộ giới) đất tọa lạc tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Hướng Đông giáp đất lối đi vào đất chia cho các ông bà Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1, Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 dài 24,25m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Tôn Ứng T6 dài 24,25m.

+ Hướng Nam giáp đường Ấp Bắc ngang 08m.

+ Hướng Bắc giáp đất thuộc quyền sử dụng của bà Trịnh Thị B và đất chia cho các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 ngang 08m.

(có sơ đồ địa chính kèm theo)

- Ghi nhận các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 tự nguyện tháo dỡ, di dời nhà, công trình phụ trên diện tích đất 194m^2 nêu trên để giao đất cho bà N1, sau khi hai bên hoàn thành thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Ghi nhận bà N1 giao số tiền 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cho các ông bà: Trịnh Thị B, Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1, sau khi hai bên hoàn thành thủ tục chuyển nhượng diện tích 194m^2 đất nêu trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/02/2017, ông Tôn Chánh T là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các đương sự bà Phạn Thị H, bà Tôn Thị Lan A1, bà Nguyễn Thị U, ông Tôn Chánh T4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông T trình bày: Không đồng ý với Bản án sơ thẩm vì ông không chấp nhận yêu cầu của bà N1, đề nghị xác định tài sản riêng của ông Đ, phân chia tài sản theo đúng quy định của pháp luật, chia đất phải có lối đi. Án sơ thẩm chia diện tích đất không đúng ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và các đương sự do ông đại diện.

Ông V trình bày: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bà L1trình bày: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà N1 trình bày: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm. Án sơ thẩm chia hết diện tích đất, trong phần tuyên không có lối đi.

Bà N1 trình bày: Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Theo Bản Tự khai (Bổ sung) ngày 05/4/2018 có xác nhận của chữ ký tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì ông Tôn Thành C trình bày: Hợp đồng đặt cọc với bà Nguyễn Kim N1 ngày 01/7/2006, ông C cùng các anh chị em và mẹ tự làm khống vào năm 2016. Mục đích làm khống để hưởng lợi thêm và làm cho sai lệch vụ án. Gia đình ông C không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà Nguyễn Kim N1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Đ, bà B vợ chồng hợp pháp có 05 con chung.Ông Đ có con chung với bà U là ông T4, chung sống với bà U từ năm 1972. Ông Đ chung sống với bà H từ năm 1976 có con chung là ông T và bà Lan A1. Án sơ thẩm xác định ông Đ chung sống với bà B mà lại chung sống với bà H, bà U thì hôn nhân với bà H, bà U không hợp pháp là không chính xác. Căn cứ Luật Hôn nhân gia đình năm 1959, xác định hôn nhân của ông Đ với bà H, bà U là hôn nhân thực tế. Án sơ thẩm không thừa nhận quyền thừa kế của bà H, bà U là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, án sơ thẩm đã chia thừa kế tài sản của ông Đ, bà B nhưng quá trình điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ vì căn nhà còn có một số người liên quan đang sinh sống không đưa họ vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, không xác định quyền thừa kế tài sản của bà H, bà U, chia thừa kế về tài sản đối với các đương sự không đúng, không đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn đối với đất được chia. Các vấn đề này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thu thập, điều tra và giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu và đơn kháng cáo của ông Tôn Chánh T là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các đương sự bà Phạn Thị H, bà Tôn Thị Lan A1, bà Nguyễn Thị U, ông Tôn Chánh T4:

[2.1] Hội đồng xét xử nhận thấy ông Tôn Chánh Đ với bà Trịnh Thị B là vợ chồng từ năm 1961 và có 5 con chung gồm Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1. Trong thời gian chung sống với bà B, ông Đ có quan hệ tình cảm với bà Phan Thị H, chung sống từ năm 1976, sinh được 2 người con là Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1 và quan hệ với bà Nguyễn Thị U, chung sống từ trước năm 1975, sinh được 1 người con tên Tôn Chánh T4.

[2.2] Đối với di chúc ngày 27/9/2001 do ông Võ Trung N cung cấp-(bút lục 337). Căn cứ các kết luận giám định số 1013 ngày 09/6/2014 của Phân viện khoa học hình sự-Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh; số 06 ngày 28/02/2015 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự và số 24 ngày 03/9/2015 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự (bút lục 480, 518, 540) đã xác định di chúc trên là không hợp pháp. Mặt khác ông N không có yêu cầu khởi kiện độc lập, không nộp dự phí khởi kiện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xét yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp của ông N là đúng pháp luật.

[2.3] Ông Đ chết năm 2002 không để di chúc, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của ông Đ được chia thừa kế theo pháp luật cho các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng.

[2.4] Đối với di sản của ông Tôn Chánh Đ:

Hội đồng xét xử xét thấy, đất do ông Tôn Cổ Qvà ông Tôn Chánh Đ đứng bộ. Vào ngày 20/3/1980, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ra quyết định tịch thu phần đất trên và Quyết định số 369/QĐ-UB ngày 02/6/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã giao lại đất và một phần ngôi nhà số 42 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M cho Tôn Cổ Q và Tôn Chánh Đ, giấy cam kết của bà Đoàn Thị K ngày 05/3/1994, biên bản về việc đo đạc xác định ranh giới quyền sử dụng đất của ông Đ ngày 09/3/1994 thì ông Đ có quyền sử dụng đất. Khi còn sống, ông Đ có bị xử lý về hình sự và phải chịu trách nhiêm dân sự trong bản án hình sự. Do đó cơ quan chức năng đã phát mãi một diện tích đất ở phần từ giáp đường Ấp Bắc của hộ gia đình ông Đ để thi hành trách nhiêm dân sự cho cá nhân ông Đ (phần đất hiện nay ông Nguyễn Chí D đã cất nhà ở) đối với diện tích nhà, đất còn lại bà B và 05 người con vẫn tiếp tục quản lý sử dụng nên cần xác định di sản là quyền sử dụng đất của ông Đ để lại là phần đất tiếp giáp với phần đất đã bị phát mãi trên. Theo biên bản đo đạc ngày 12/10/2016 của công ty TNHH đo đạc Đông Hải diện tích đất thực tế hiện nay là 1621,5m^2.

Theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì "vợ, chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới".

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà Phan Thị H và bà Nguyễn Thị U mặc dù có quan hệ tình cảm, chung sống với ông Tôn Chánh Đ nhưng không được pháp luật công nhận là vợ chồng với ông Đ vì lúc này ông Đ đã có vợ là bà Trịnh Thị B là chưa chính xác.

Căn cứ điểm a Điều 4 của Nghị Quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc chung sống giữa ông Đ với bà H, bà U nếu trước ngày 25/3/1977 (ở miền Nam) thì bà H, bà U đều là người thừa kế hàng thứ nhất của ông Đ.

Từ đó mới xác định chính xác những hàng thừa kế của ông Đ và tài sản của ông Đ để lại nhà , đất tại số 41, Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, số tiền còn dư hiện trung tâm phát triển quỹ đất và đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang

đang quản lý gửi tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Tiền Giang, tính đến ngày 31/12/2015 vốn + lãi là 594.972.398 đồng (bút lục 572), giá trị ngôi nhà xưa xây dựng trước năm 1975 tại số 41 Ấp Bắc, Phường 5 là tài sản của ông Đ với bà B hay là tài sản chung của ông Đ với bà Ba, bà H và bà U.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ thời gian chung sống của bà H, bà U với ông Đ. Bản tự khai của bà H (Bút lục 24) ngày 02/11/2006 khai bà H và ông Đ chung sống với nhau năm 1978. Biên bản hòa giải ngày 27/10/2006 (Bút lục 15-16) bà H có quan hệ với ông Đ sinh hai con năm 1978 và 1980. Biên bản phiên tòa (Bút lục 136-140) bà H trình bày quen với ông Đ năm 1976, chung sống năm 1977 và năm 1978 có con. Bản tự khai của bà H (Bút lục 375) ngày 20/8/2012 sống chung với ông Đ từ năm 1976, không đăng ký kết hôn và có hai con. Biên bản phiên tòa (Bút lục 290), biên bản ngày 08/12/2015 (Bút lục 548) trình bày chung sống với ông Đ năm 1976. Bản tự khai của bà U(Bút lục 764-765) thì bà U và ông Đ chung sống năm 1972.

Căn cứ lời thừa nhận của các đồng bị đơn do ông Tôn Thành V đại diện theo ủy quyền và bà Tôn Thị L1 căn cứ kết quả giám định ADN số 1260/C54B ngày 11/5/2011 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an và kết quả xét nghiệm ADN lần 2 ngày 18/10/2011 của Trung tâm phân tích ADN và công nghệ di truyền thể hiện ngoài các ông bà Tôn Thành V, Tôn Thành L, Tôn Thành C, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 là con ruột của ông Tôn Chánh Đ thì các ông bà Tôn Chánh T, Tôn Thị Lan A1, Tôn Chánh T4 cũng là con ruột của ông Tôn Chánh Đ.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm chia hiện vật, buộc những người đang ở phải dỡ nhà, chia tài sản nhưng không có chừa lối đi cho các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những người thực tế có hộ khẩu và đang cư ngụ để đưa đầy đủ vào tham gia tố tụng.

Sổ hộ khẩu do ông Tôn Thành V làm chủ hộ thì có các đương sự Tôn Thành V, Trịnh Thị B, Tôn Thành L, Tôn Thị Ngọc P, Tôn Thành C, Tôn Thị L1 và con là Tôn Nguyên Thành P3sinh năm 2007, vợ của ông V là bà Phan Thị Ngọc L2, con của ông V là Tôn Tuấn K1 sinh năm 1991 và Tôn Tuấn M1 sinh năm 1994, cậu là Trịnh Văn H1, con của bà P là Tôn Ngọc M2 sinh năm 1996, vợ của K1 là Nguyễn Thị T7 sinh năm 1992 và con của K1là Tôn Nguyễn Trường A2 sinh năm 2016.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm cần phải tiến hành định giá lại giá trị tài sản đang tranh chấp, làm rõ hạn mức đất ở để đảm bảo quyền lợi của các đương sự được nhận bằng hiện vật cũng như nhận bằng giá trị. Biên bản định giá tài sản ngày 23/6/2015 (Bút lục số 561) thì giá chuyển nhượng đất ở là 17 triệu đồng/m^2; đất vườn là 4 triệu đồng/m^2. Tại Bản án số 105 ngày 06/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố M, các bên thống nhất đất thổ cư 13 triệu đồng/ m^2; đất trồng cây lâu năm 9 triệu đồng/ m^2. Biên bản đo đạc, định giá tài sản ngày 28/12/2011 (Bút lục số 305) thì đất ở 40 triệu đồng/m^2; đất trồng cây lâu năm 12 triệu đồng/ m^2.

[2.7] Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ yêu cầu của các đương sự để giải quyết: Đơn khởi kiện ngày 14/9/2006 (Bút lục 13-14) bà H yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật. Bản tự khai (Bút lục 375) ngày 20/8/2012 và ngày 30/12/2015 (Bút lục 367) bà H xin hưởng 54,28 m^2 và 7.852.081 đồng. Bút lục 761-762 Bà H yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, chia công sức 200 m^2 bù đắp công sức của bà. Bút lục 764-765 Bà U yêu cầu nhận thừa kế và công sức đóng góp.

[2.8] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Kim N1, Hội đồng xét xử xét thấy: vào ngày 01/7/2006 bà B và các con: Tôn Thành V, Tôn Thành C, Tôn Thành L, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 lập văn bản đồng ý chuyển nhượng cho bà N1diện tích đất 194m^2 đã trừ lộ giới (ngang 8m, dài 24,25m) ở vị trí giáp với đường Ấp Bắc với số tiền 1.940.000.000 đồng. Bà N1đã giao cho bà B và các con nhận số tiền 1.500.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quyền sử dụng đất tại số 41, Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M là tài sản chung của của các đương sự ngoài bà B và các con: Tôn Thành V, Tôn Thành C, Tôn Thành L, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 thì còn có những người thừa kế khác nữa.Việc chuyển nhượng nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Các đương sự Tôn Thành V, Tôn Thành C, Tôn Thành L, Tôn Thị P, Tôn Thị L1 sau khi được chia thừa kế tài sản, không còn tranh chấp thì mới có thể thực hiện việc chuyển nhượng tài sản.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa định giá tài sản chuyển nhượng để tính thiệt hại nếu như không công nhận việc chuyển nhượng hợp đồng này. Hơn nữa, ông C có đơn trình bày Hợp đồng đặt cọc với bà B ngày 01/7/2006 là làm khống vào năm 2016, không nhận bất cứ khoản tiền nào của bà N1. Vấn đề này cũng cần làm rõ khi giải quyết lại vụ án.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề nêu trên mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a Điều 4 của Nghị Quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 357 và Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và điểm b khoản 2 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Chánh T là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các đương sự bà Phạn Thị H, bà Tôn Thị Lan A1, bà Nguyễn Thị U, ông Tôn Chánh T4.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn ông Tôn Chánh T 200.000 đồng theo biên lai thu số 001847 ngày 21/02/2017 và 100.000 đồng theo biên lai thu số 001958 ngày 11/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Tiền Giang(1);
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang(1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang(1);
- Đương sự(7);
- Lưu VP(3), HS(1), 18b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương